

TRỰC TUYẾN – TUẦN 3

CHUYÊN ĐỀ 1: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ nước ta.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế- xã hội và quốc phòng
- Trình bày được đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.
- So sánh được sự khác nhau cơ bản của các khu vực địa hình.
- Biết xác định các vùng địa hình đồi núi và đồng bằng trên bản đồ.
- Xác định được vị trí các dãy núi, đỉnh núi trên bản đồ.

2. Về năng lực hình thành

Năng lực chuyên biệt	Năng lực chung
Năng lực tư duy theo lãnh thổ	Năng lực tự học
Năng lực sử dụng bản đồ	Năng lực tự giải quyết vấn đề
Năng lực sử dụng số liệu thống kê	Năng lực sáng tạo
Năng lực sử dụng hình vẽ, tranh ảnh địa lí	Năng lực hợp tác
	Năng lực giao tiếp

3. Về phẩm chất

Có hứng thú với kiến thức của phần kiến thức Địa lí tự nhiên Việt Nam

II. NỘI DUNG KIẾN THỨC ÔN TẬP

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

- Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

- Hệ tọa độ địa lí:

+ **Phần trên đất liền**

- . Điểm cực Bắc: **23<sup>0</sup>23'B** (xã Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang)
- . Điểm cực Nam: **8<sup>0</sup>34'B** (xã Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau)
- . Điểm cực Đông: **109<sup>0</sup>24'Đ** (xã Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa)
- . Điểm cực Tây: **102<sup>0</sup>09'Đ** (xã Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên)

+ **Phần trên biển**

. Hệ tọa độ địa lí của nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ  $6^{\circ}50'$  B và khoảng kinh độ  $101^{\circ}$ Đ đến trên  $117^{\circ}20'$  Đ tại Biển Đông.

- Nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu bắc vừa gần với lục địa, thông với Đại Dương
- Đại bộ phận lãnh thổ ở trong khu vực múi giờ số 7.

## **2. PHẠM VI LÃNH THỔ**

### **a. Vùng đất**

- Gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, có tổng diện tích là  $331.212 \text{ km}^2$ . (Năm 2016:  $331.698 \text{ km}^2$ ).
- Các nước tiếp giáp: TQ, Lào và CPC.
- Chiều dài đường biên giới đất liền là 4600 km với:
  - + Việt – TQ dài 1400 km.
  - + Việt – Lào dài 2100 km.
  - + Việt- CPC dài 1100 km.
- Phía đông và phía nam giáp biển dài 3260 km.
- Nước ta có trên 4000 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có 2 quần đảo lớn HS (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hòa).

### **b. Vùng biển**

- Từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang)
- Tiếp giáp với vùng biển 8 nước (xác định trên Atlas)
- Diện tích thuộc chủ quyền nước ta ở Biển Đông khoảng 1 triệu  $\text{km}^2$
- Vùng biển nước ta gồm vùng nội thủy, lãnh hải, vùng biển tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.
  - + Nội thủy: Giáp đất liền, phía trong đường cơ sở. Nước ta có quyền như phần đất liền.
  - + Lãnh hải: tính từ đường cơ sở rộng 12 hải lí. Được xem là đường biên giới quốc gia trên biển.
  - + Vùng tiếp giáp lãnh hải: từ lãnh hải rộng ra 12 hải lí. Nhà nước có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư.
  - + Vùng đặc quyền kinh tế: tính từ đường cơ sở rộng 200 hải lí. Nước ta có chủ quyền về kinh tế. Các nước khác được đặt ống dẫn dầu và sợi dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay tự do hoạt động hàng hải và hàng không.
  - + Vùng thềm lục địa: Phần ngầm dưới lòng đất thuộc lục địa kéo dài có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa. Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa Việt Nam.

### **c. Vùng trời**

Là khoảng không gian không giới hạn độ cao, bao trùm lên lãnh thổ nước ta; trên đất liền được xác định bằng đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

## **3. Ý NGHĨA CỦA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VIỆT NAM**

### ***a. Ý nghĩa về tự nhiên***

- Thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Đa dạng về động – thực vật, nông sản.
- Nằm trên vành đai sinh khoáng nên có tài nguyên khoáng sản.
- Có sự phân hóa đa dạng về tự nhiên (Bắc – Nam, Đông – Tây, đai cao)
- Khó khăn: bão, lũ lụt.

**b. Ý nghĩa kinh tế, văn hóa – xã hội và quốc phòng**

- Về kinh tế: Thuận lợi để phát triển đầy đủ các loại hình giao thông với các nước trên thế giới tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài; phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Về văn hóa – xã hội: tạo điều kiện chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng.
- Về chính trị và quốc phòng: là khu vực đặc biệt quan trọng của vùng Đông Nam Á. Biển Đông có ý nghĩa chiến lược trong an ninh quốc phòng khu vực.

**BÀI 6+7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỊA HÌNH**

**a. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp**

- Đồi núi chiếm  $\frac{3}{4}$  diện tích, đồng bằng chiếm  $\frac{1}{4}$  diện tích
- Đồng bằng và núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85%, núi cao (trên 2000m) chỉ chiếm 1%.

**b. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng**

- Địa hình nước ta được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.
- Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính:
  - + Hướng tây bắc – đông nam.
  - + Hướng vòng cung.

**c. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa**

- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi
  - Bồi tụ nhanh ở đồng bằng
- => Xâm thực và bồi tụ là biểu hiện đặc trưng của địa hình Việt Nam.

**d. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người**

- Tích cực, tiêu cực

**2. CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**a. Khu vực đồi núi**

**Đề cương ôn tập TN THPTQG 12 – Môn Địa lí - Năm học 2021-2022**

Vùng núi	Vị trí	Đặc điểm chính
<b>Đông Bắc</b>	Nằm ở tả ngạn sông Hồng ( phía Đông thung lũng sông Hồng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp</li> <li>- Hướng núi: vòng cung.</li> <li>- Hướng nghiêng chung: Thấp dần từ TB xuống ĐN ( Những đỉnh cao &gt;2000 m nằm ở Thượng nguồn sông Chảy, Giáp biên giới Việt Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ, trung tâm là các vùng đồi núi thấp có độ cao trung bình 500-600m)</li> <li>- Gồm 4 cánh cung chụm lại ở Tam Đảo, mở rộng về phía Bắc, Đông.: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều</li> <li>- Thung lũng cũng có hướng vòng cung: Sông Cầu, sông Thương, Lục Nam.</li> </ul>
<b>Tây Bắc</b>	Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa hình cao nhất cả nước</li> <li>- Hướng TB - ĐN.</li> <li>- Ba dải địa hình:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phía Đông: Dãy núi cao đồ sộ Hoàng Liên Sơn (Đỉnh Phanxipăng: 3143m).</li> <li>+ Phía Tây: Địa hình núi Tây Bắc.</li> <li>+ Ở giữa: Địa hình thấp hơn: dãy núi, sơn nguyên, cao nguyên đá vôi.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Trường Sơn Bắc.</b>	Từ phía Nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng địa hình: Tây Bắc - Đông Nam.</li> <li>- Các dãy núi song song, so le nhau.</li> <li>- Thấp, hẹp ngang nâng cao hai đầu.</li> </ul>
<b>Trường Sơn Nam</b>	Phía Nam Bạch Mã.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm các khối núi và cao nguyên</li> <li>- Có sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông, Tây của Tây Trường Sơn.</li> <li>+ Địa hình núi ở phía Đông với những đỉnh cao trên 2000m nghiêng dần về phía Đông.</li> <li>+ Cao nguyên badan tương đối bằng phẳng, bán bình nguyên xen đồi phía Tây</li> </ul>

**\* Địa hình đồi trung du và bán bình nguyên**

- + Địa hình bán bình nguyên chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng thể hiện rõ ở Đông Nam Bộ
- + Địa hình đồi trung du chủ yếu là các thềm phù sa cổ bị chia cắt do tác động của dòng chảy rộng nhất là từ rìa đồng bằng Sông Hồng -> rìa đồng bằng ven biển Miền Trung.

**b. Khu vực đồng bằng**



- B. diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
- C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.
- D. liền kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.

### **VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 1:** Khí hậu nước ta **không** khô hạn như các nước cùng vĩ độ vì

- A. nước ta nằm liền kề với 2 vành đai sinh khoáng lớn.
- B. ảnh hưởng của biển Đông và các khối khí di chuyển qua biển.
- C. nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu.
- D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió Tín phong.

**Câu 2:** Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của của thiên nhiên nước ta là

- A. Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.
- C. Khí hậu có một mùa đông lạnh, ít mưa.
- D. Chịu ảnh hưởng chế độ gió mùa châu á.

### **VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1:** Vị trí tiếp giáp với biển nên nước ta có

- A. nền nhiệt cao chan hòa ánh nắng.
- B. khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt.
- C. thảm thực vật xanh tốt giàu sức sống.
- D. thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

### **Bài 6+7: Đất nước nhiều đồi núi**

#### **NHẬN BIẾT**

**Câu 1:** Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

- A. bắc - nam.
- B. tây bắc - đông bắc.
- C. tây bắc - đông nam.
- D. tây - đông.

**Câu 2:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi nước ta đa dạng?

- A. có các cao nguyên bazan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
- B. có núi cao, núi thấp, núi trung bình, sơn nguyên, cao nguyên.
- C. bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
- D. nước ta vừa có núi, có đồi, vừa có sông và biển.

**Câu 3:** Vòng cung là hướng chính và điển hình nhất của

- A. dãy Hoàng Liên Sơn.
- B. các dãy núi Đông Bắc
- C. khối núi cực Nam Trung Bộ.
- D. dãy Trường Sơn Bắc

**Câu 4:** Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- B. các mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam
- C. có rất nhiều đỉnh núi cao nhất nước ta.
- D. gồm các dãy núi liền kề với các cao nguyên.

**Câu 5:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Đông Bắc?

- A. Nằm ở phía Tây thung lũng sông Hồng.
- B. Có 4 dãy núi lớn hướng vòng cung.
- C. Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
- D. Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp

**Câu 6:** Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

- A. gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ.
- C. gồm 4 cánh cung lớn.
- D. địa hình thấp và hẹp ngang.

**Câu 7:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?

- A. Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.                      B. Nhiều đỉnh núi cao nhất nước ta.  
C. Có 3 dải địa hình hướng Tây Bắc - Đông Nam.    D. Có các cao nguyên ba dan xếp tầng.

**Câu 8:** Ba dải địa hình cùng chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam ở Tây Bắc là

- A. Hoàng Liên Sơn, núi dọc biên giới Việt Lào, các sơn nguyên và cao nguyên.  
B. Hoàng Liên Sơn, Phan-xi-păng, núi dọc biên giới Việt - Lào.  
C. Núi dọc biên giới Việt - Lào, Phan-xi-păng, các sơn nguyên và cao nguyên.  
D. Các sơn nguyên và cao nguyên, Hoàng Liên Sơn, Phan-xi-păng.

**Câu 9:** Địa hình núi cao nhất ở Tây Bắc là

- A. dãy Hoàng Liên Sơn.                                      B. biên giới Việt - Lào.  
C. biên giới Việt - Trung.                                    D. các sơn nguyên đá vôi.

**Câu 10:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Là đồng bằng châu thổ rộng lớn.                      B. Được bồi đắp phù sa của sông Cửu Long.  
C. Trên bề mặt có nhiều đê sông.                        D. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

## **THÔNG HIỂU**

**Câu 1:** Đặc điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là

- A. bị chia cắt do tác động của dòng chảy.                      B. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.  
C. có cả đất phù sa cổ lẫn đất đỏ ba dan.                      D. độ cao khoảng từ 100m đến 200m.

**Câu 2:** Đất đai ở vùng ven biển miền Trung thường nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông chủ yếu do

- A. cát sông miền Trung ngắn và rất nghèo phù sa.  
B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.  
C. đồng bằng nằm ở chân núi, nhận nhiều cát sỏi trôi xuống.  
D. trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.

**Câu 3:** So với khu vực Đông Bắc, khu vực Tây Bắc nước ta có

- A. trữ năng thủy điện lớn hơn.                                      B. khoáng sản phong phú hơn.  
C. cơ sở vật chất, hạ tầng tốt hơn.                                    D. nhiều trung tâm công nghiệp hơn.

**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây **không** phải của sông ngòi miền Trung nước ta?

- A. Có lũ vào thu - đông.    B. Chế độ nước thất thường.  
C. Dòng sông ngắn và dốc.    D. Lũ lên chậm xuống chậm.

**Câu 5:** Khu vực được bồi tụ phù sa vào mùa lũ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. các ô trũng ngập nước.    B. rìa phía tây và tây bắc.  
C. vùng ngoài đê.    D. vùng trong đê.

**Câu 6:** Đâu là ranh giới giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam của nước ta?

- A. Dãy núi Hoàng Sơn.    B. Sông Cả.    C. Dãy núi Bạch Mã.    D. Sông Hồng.

**Câu 7:** Điểm khác biệt rõ nét về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Nam so với vùng núi Trường Sơn Bắc là

- A. địa hình có độ cao nhỏ hơn.                                      B. núi theo hướng vòng cung.  
C. độ dốc địa hình nhỏ hơn.                                        D. có các khối núi và cao nguyên.

**Câu 8:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi nước ta đa dạng?

- A. Miền Bắc có các cao nguyên ba dan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.

- B. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ có nhiều núi thấp.
- C. Bên cạnh núi cao, đồng bằng còn có vùng đồi trung du.
- D. Gồm nhiều dạng địa hình: núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên.

**Câu 9:** So với Đồng bằng sông Cửu Long thì địa hình Đồng bằng sông Hồng

- A. thấp hơn và bằng phẳng hơn.
- B. cao hơn và bằng phẳng hơn.
- C. thấp hơn và ít bằng phẳng hơn.
- D. cao hơn và ít bằng phẳng hơn.

**Câu 10:** Điểm giống nhau giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đều là các đồng bằng phù sa châu thổ sông.
- B. Có hệ thống đê sông kiên cố để ngăn lũ.
- C. Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- D. Có đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích.

**Câu 11:** Vùng đất ngoài đê Đồng bằng sông Hồng là nơi

- A. không được bồi tụ phù sa hàng năm.
- B. có nhiều ô trũng ngập nước.
- C. có bậc ruộng cao bạc màu.
- D. thường xuyên được bồi tụ phù sa.

**Câu 12:** Điểm nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- B. Đồng bằng có diện tích lớn, mở rộng về phía biển.
- C. Đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- D. Từ tây sang đông thường có 3 dải địa hình.

**Câu 13:** Đồng bằng ven biển miền Trung có

- A. bờ biển thấp, phẳng.
- B. thêm lục địa mở rộng.
- C. vũng, vịnh, đầm phá ven biển.
- D. nhiều cửa sông lớn đổ ra biển.

**Câu 14:** Đặc điểm nào sau đây đúng với Đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. Nằm gần vùng biển nông, thêm lục địa mở rộng.
- B. Có cồn cát, đầm phá; vùng trũng thấp; đồng bằng.
- C. Có nhiều ruộng cao bạc màu và ô trũng ngập nước.
- D. Địa hình thấp, dễ bị thủy triều xâm nhập sâu.

## **VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 1:** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồi núi nước ta là

- A. thường xuyên xảy ra thiên tai.
- B. địa hình bị chia cắt mạnh trở ngại cho giao thông.
- C. sông ngòi ít có giá trị về giao thông đường thủy.
- D. khoáng sản phân bố phân tán theo không gian.

**Câu 2:** Yếu tố quyết định tạo nên tính phân bậc của địa hình Việt Nam là

- A. tác động của vận động Tân kiến tạo.
- B. sự xuất hiện khá sớm của con người.
- C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. vị trí địa lí giáp Biển Đông.

**Câu 3:** Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc là

- A. đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- B. hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam.
- C. có một số sơn nguyên, cao nguyên đá vôi.
- D. có nhiều khối núi cao đồ sộ.



**VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1:** Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp là nguyên nhân chủ yếu làm cho

- A. tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.
- B. địa hình nước ta trẻ lại, có sự phân bậc rõ ràng.
- C. thiên nhiên nước ta có sự phân hóa sâu sắc.
- D. thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

**Câu 2:** Khu vực nào sau đây ở nước ta **không** thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước lợ?

- A. Bãi triều.
- B. Đầm phá.
- C. Ô trũng ở đồng bằng.
- D. Rừng ngập mặn.

**Câu 3:** Địa hình đồng bằng sông Cửu Long khác với đồng bằng sông Hồng là

- A. có quy mô diện tích nhỏ hơn.
- B. không được bồi đắp phù sa hàng năm.
- C. có nhiều vùng trũng rộng lớn.
- D. bị chia cắt thành nhiều ô bởi đê ngăn lũ.